

Mã đề: 161

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

Câu 1: Tập hợp các số tự nhiên không vượt quá 5 là

- A. $\{1;2;3;4\}$. B. $\{0;1;2;3;4;5\}$. C. $\{1;2;3;4;5\}$. D. $\{0;1;2;3;4\}$.

Câu 2: Hình thoi ABCD có hai đường chéo $AC = 8 \text{ cm}$; $BD = 6 \text{ cm}$. Diện tích của hình thoi đó bằng

- A. 24 cm. B. 48 cm^2 . C. 24 cm^2 . D. 48 cm.

Câu 3: Trong các số sau số nào là hợp số?

- A. 31. B. 39. C. 41. D. 23.

Câu 4: Nếu x là số tự nhiên thỏa mãn $(x-1)^2 = 25$ thì x bằng

- A. 1. B. 17. C. 6. D. 4.

Câu 5: Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 321. B. 79 C. 143. D. 124.

Câu 6: Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 cm. Chu vi hình vuông đó là

- A. 49 cm^2 . B. 49 cm. C. 28 cm^2 . D. 28 cm.

Câu 7: Cho tập hợp $M = \{a; 4; b; c\}$. Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào *sai*?

- A. $a \in M$. B. $c \in M$. C. $b \notin M$. D. $4 \in M$.

Câu 8: Số tự nhiên x lớn nhất thỏa mãn $56 : x, 128 : x$ là

- A. 8. B. 4. C. 6. D. 15.

Câu 9: Kết quả của phép tính: $(-12) + 5$ là

- A. -7. B. 7. C. -17. D. 17.

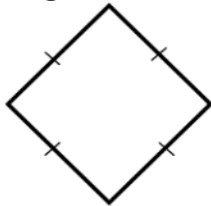
Câu 10: Kết quả của phép tính $20 + 15 : 5$ là

- A. 8. B. 6. C. 30. D. 23.

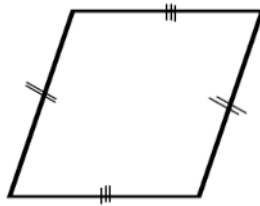
Câu 11: Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $7^3 = 7.3$. B. $7^3 = 7.7.7$. C. $7^3 = 7.7.7.7$. D. $7^3 = 3.3.3$.

Câu 12: Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



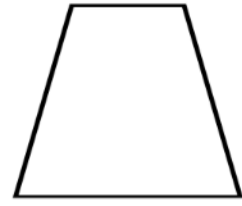
a)



b)



c)



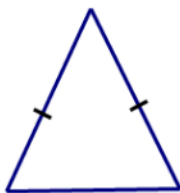
d)

- A. Hình a. B. Hình d. C. Hình c. D. Hình b

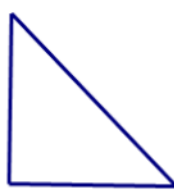
Câu 13: Biểu thức $2.3.7 + 35$ chia hết cho số nào sau đây

- A. 7. B. 5. C. 2. D. 3.

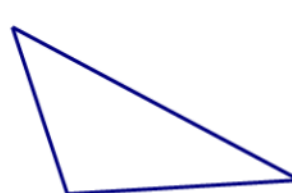
Câu 14: Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều?



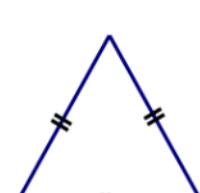
a)



b)



c)



d)

- A. Hình a. B. Hình c. C. Hình b. D. Hình d.

Câu 15: Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000 đồng, Mai ăn sáng hết 10 000 đồng, mua nước hết 5 000 đồng, phần tiền còn lại Mai bỏ vào heo đất để dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, số tiền Mai tiết kiệm được là bao nhiêu?

- A. 240 000 đồng. B. 75 000 đồng. C. 45 000 đồng. D. 300 000 đồng.

Câu 16: Cho hình bình hành $ABCD$. Nếu góc D bằng 60° thì góc B bằng bao nhiêu độ?

- A. 120° . B. 30° . C. 90° . D. 60° .

Câu 17: Số nguyên x thỏa mãn $x - 7 = -2$ là

- A. $x = -9$. B. $x = 5$. C. $x = -6$. D. $x = 9$.

Câu 18: Số đối của 4 là

- A. 0. B. 4. C. -4. D. 8.

Câu 19: Số La Mã $XXIII$ biểu diễn số tự nhiên nào sau đây?

- A. 17. B. 32. C. 3. D. 23.

Câu 20: Có bao nhiêu số nguyên x thỏa mãn $-3 < x \leq 3$?

- A. 7. B. 5. C. 6. D. 2.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17}\right] - 5^{12} : 5^{10}$.

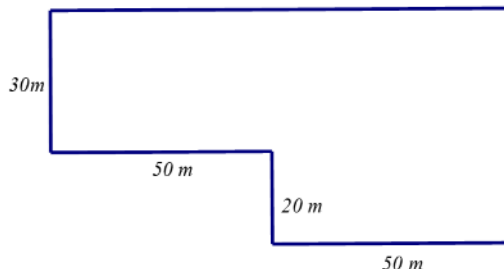
Câu 2. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết: $8x + 15 = 55$.

Câu 3. (1,0 điểm) Nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo một sân chơi vui tươi, lành mạnh, đồng thời giúp cho các em học sinh rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể. Trường THCS X đã tổ chức cuộc thi dân vũ giữa các khối lớp trong trường. Tất cả học sinh khối 6 của trường đều tham gia và khi tập xếp hàng 6, hàng 8 hay hàng 9 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường biết số học sinh khối 6 trong khoảng 200 đến 250 em.

Câu 4. (1,5 điểm) Trong mảnh vườn của mình, Bác Hùng dành một phần đất hình chữ nhật có chiều dài 50m và chiều rộng 20m để trồng rau.

a) Tính diện tích phần đất bác Hùng dùng để trồng rau.

b) Phần đất còn lại của mảnh vườn bác Hùng dùng để trồng cây ăn quả (có hình dạng và kích thước như Hình 1). Tính diện tích của phần đất trồng cây ăn quả.



Hình 1

Câu 5. (0,5 điểm) Theo truyền thuyết, nhà thông thái phát minh ra bàn cờ vua đã chọn phần thưởng là số thóc được đặt vào ô vuông trên bàn cờ theo quy tắc sau: Trong ô thứ nhất để vào 1 hạt thóc, ô thứ hai để vào 2 hạt thóc, ô thứ ba để vào 4 hạt thóc, ô thứ tư để vào 8 hạt thóc,... Cứ theo quy luật số hạt thóc ở ô sau gấp đôi số hạt thóc ở ô trước đến ô cuối cùng của bàn cờ vua. Tính tổng số hạt thóc khi đặt đến ô thứ ba mươi hai của bàn cờ.

----- HẾT -----

Mã đề: 162

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

Câu 1: Tập hợp các số tự nhiên không vượt quá 5 là

- A. $\{1;2;3;4\}$. B. $\{1;2;3;4;5\}$. C. $\{0;1;2;3;4;5\}$. D. $\{0;1;2;3;4\}$.

Câu 2: Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 124. B. 143. C. 321. D. 79

Câu 3: Nếu x là số tự nhiên thỏa mãn $(x-1)^2 = 25$ thì x bằng

- A. 6. B. 17. C. 4. D. 1.

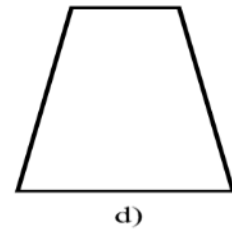
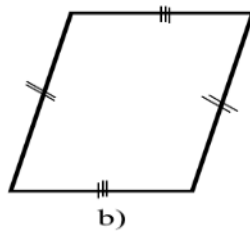
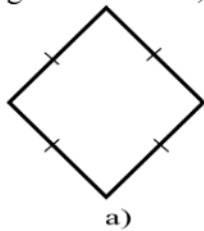
Câu 4: Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $7^3=7.3$. B. $7^3=3.3.3$. C. $7^3=7.7.7.7$. D. $7^3=7.7.7$.

Câu 5: Kết quả của phép tính: $(-12)+5$ là

- A. 7. B. -7. C. 17. D. -17.

Câu 6: Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



- A. Hình b. B. Hình a. C. Hình d. D. Hình c.

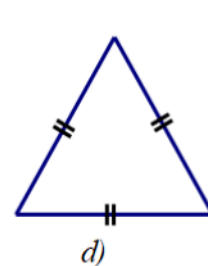
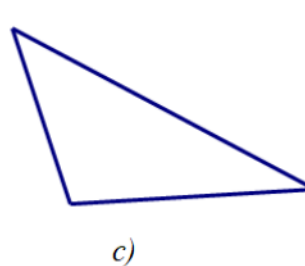
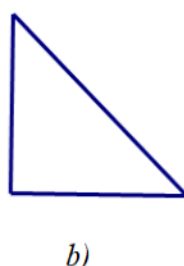
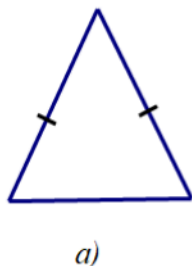
Câu 7: Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000 đồng, Mai ăn sáng hết 10 000 đồng, mua nước hết 5 000 đồng, phần tiền còn lại Mai bỏ vào heo đất để dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, số tiền Mai tiết kiệm được là bao nhiêu?

- A. 75 000 đồng. B. 300 000 đồng. C. 240 000 đồng. D. 45 000 đồng.

Câu 8: Cho tập hợp $M = \{a; 4; b; c\}$. Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào *sai*?

- A. $c \in M$. B. $b \notin M$. C. $a \in M$. D. $4 \in M$.

Câu 9: Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều?



- A. Hình d. B. Hình a. C. Hình b. D. Hình c.

Câu 10: Số nguyên x thỏa mãn $x-7=-2$ là

- A. $x=-6$. B. $x=-9$. C. $x=9$. D. $x=5$.

Câu 11: Kết quả của phép tính $20+15:5$ là

- A. 30. B. 6. C. 8. D. 23.

Câu 12: Hình thoi ABCD có hai đường chéo $AC = 8 \text{ cm}$; $BD = 6 \text{ cm}$. Diện tích của hình thoi đó bằng

- A. 48 cm. B. 24 cm^2 . C. 48 cm^2 . D. 24 cm.

Câu 13: Số La Mã *XXIII* biểu diễn số tự nhiên nào sau đây?

- A. 32. B. 3. C. 23. D. 17.

Câu 14: Số tự nhiên x lớn nhất thỏa mãn $56 \vdots x$, $128 \vdots x$ là

- A. 15. B. 6. C. 8. D. 4.

Câu 15: Trong các số sau số nào là hợp số?

- A. 23. B. 31. C. 41. D. 39.

Câu 16: Biểu thức $2.3.7 + 35$ chia hết cho số nào sau đây

- A. 3. B. 7. C. 2. D. 5.

Câu 17: Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 cm. Chu vi hình vuông đó là

- A. 28 cm. B. 28 cm^2 . C. 49 cm^2 . D. 49 cm.

Câu 18: Có bao nhiêu số nguyên x thỏa mãn $-3 < x \leq 3$?

- A. 6. B. 2. C. 5. D. 7.

Câu 19: Số đối của 4 là

- A. 8. B. 4. C. -4. D. 0.

Câu 20: Cho hình bình hành ABCD. Nếu góc D bằng 60° thì góc B bằng bao nhiêu độ?

- A. 90° . B. 30° . C. 120° . D. 60° .

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17} \right] - 5^{12} : 5^{10}$.

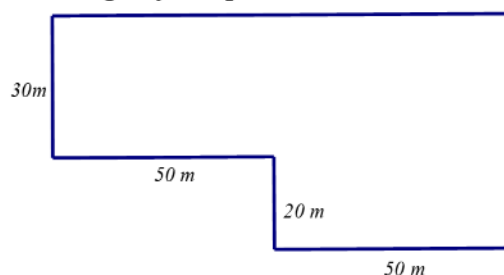
Câu 2. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết: $8x + 15 = 55$.

Câu 3. (1,0 điểm) Nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo một sân chơi vui tươi, lành mạnh, đồng thời giúp cho các em học sinh rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể. Trường THCS X đã tổ chức cuộc thi dân vũ giữa các khối lớp trong trường. Tất cả học sinh khối 6 của trường đều tham gia và khi tập xếp hàng 6, hàng 8 hay hàng 9 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường biết số học sinh khối 6 trong khoảng 200 đến 250 em.

Câu 4. (1,5 điểm) Trong mảnh vườn của mình, Bác Hùng dành một phần đất hình chữ nhật có chiều dài 50m và chiều rộng 20m để trồng rau.

a) Tính diện tích phần đất bác Hùng dùng để trồng rau.

b) Phần đất còn lại của mảnh vườn bác Hùng dùng để trồng cây ăn quả (có hình dạng và kích thước như Hình 1). Tính diện tích của phần đất trồng cây ăn quả.



Hình 1

Câu 5. (0,5 điểm) Theo truyền thuyết, nhà thông thái phát minh ra bàn cờ vua đã chọn phần thưởng là số thóc được đặt vào ô vuông trên bàn cờ theo quy tắc sau: Trong ô thứ nhất để vào 1 hạt thóc, ô thứ hai để vào 2 hạt thóc, ô thứ ba để vào 4 hạt thóc, ô thứ tư để vào 8 hạt thóc,... Cứ theo quy luật số hạt thóc ở ô sau gấp đôi số hạt thóc ở ô trước đến ô cuối cùng của bàn cờ vua. Tính tổng số hạt thóc khi đặt đến ô thứ ba mươi hai của bàn cờ.

----- HẾT -----

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

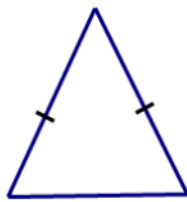
Câu 1: Cho hình bình hành $ABCD$. Nếu góc D bằng 60° thì góc B bằng bao nhiêu độ?

- A. 120° . B. 30° . C. 60° . D. 90° .

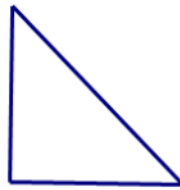
Câu 2: Kết quả của phép tính: $(-12) + 5$ là

- A. -17. B. 17. C. 7. D. -7.

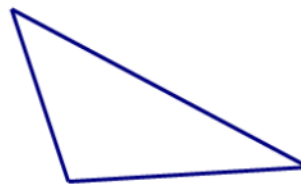
Câu 3: Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều?



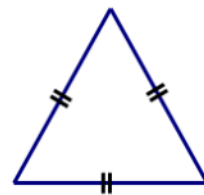
a)



b)



c)



d)

- A. Hình b B. Hình d. C. Hình c. D. Hình a.

Câu 4: Trong các số sau số nào là hợp số?

- A. 39. B. 41. C. 31. D. 23.

Câu 5: Tập hợp các số tự nhiên không vượt quá 5 là

- A. $\{1;2;3;4;5\}$. B. $\{1;2;3;4\}$. C. $\{0;1;2;3;4;5\}$. D. $\{0;1;2;3;4\}$.

Câu 6: Số La Mã $XXIII$ biểu diễn số tự nhiên nào sau đây?

- A. 23. B. 17. C. 32. D. 3.

Câu 7: Số tự nhiên x lớn nhất thỏa mãn $56 \vdots x, 128 \vdots x$ là

- A. 15. B. 8. C. 4. D. 6.

Câu 8: Nếu x là số tự nhiên thỏa mãn $(x-1)^2 = 25$ thì x bằng

- A. 1. B. 6. C. 17. D. 4.

Câu 9: Số nào sau đây chia hết cho 3?

- A. 321. B. 143. C. 79 D. 124.

Câu 10: Có bao nhiêu số nguyên x thỏa mãn $-3 < x \leq 3$?

- A. 7. B. 2. C. 5. D. 6.

Câu 11: Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $7^3=3.3.3$. B. $7^3=7.3$. C. $7^3=7.7.7$. D. $7^3=7.7.7.7$.

Câu 12: Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 cm. Chu vi hình vuông đó là

- A. 28 cm. B. 49 cm. C. 49 cm^2 . D. 28 cm^2 .

Câu 13: Cho tập hợp $M = \{a; 4; b; c\}$. Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào sai?

- A. $c \in M$. B. $a \in M$. C. $b \notin M$. D. $4 \in M$.

Câu 14: Số nguyên x thỏa mãn $x - 7 = -2$ là

- A. $x = -9$. B. $x = 9$. C. $x = -6$. D. $x = 5$.

Câu 15: Số đối của 4 là

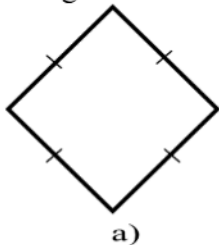
A. 4.

B. -4.

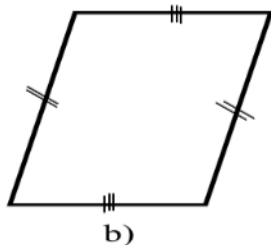
C. 8.

D. 0.

Câu 16: Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



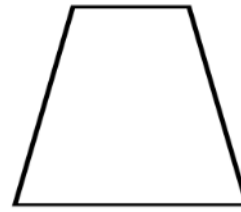
a)



b)



c)



d)

A. Hình a.

B. Hình b

C. Hình d.

D. Hình c.

Câu 17: Kết quả của phép tính $20 + 15 : 5$ là

A. 6.

B. 30.

C. 23.

D. 8.

Câu 18: Hình thoi ABCD có hai đường chéo $AC = 8 \text{ cm}$; $BD = 6 \text{ cm}$. Diện tích của hình thoi đó bằng

A. 24 cm.

B. 48 cm.

C. 48 cm^2 .D. 24 cm^2 .

Câu 19: Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000 đồng, Mai ăn sáng hết 10 000 đồng, mua nước hết 5 000 đồng, phần tiền còn lại Mai bỏ vào heo đất để dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, số tiền Mai tiết kiệm được là bao nhiêu?

A. 45 000 đồng.

B. 75 000 đồng.

C. 240 000 đồng.

D. 300 000 đồng.

Câu 20: Biểu thức $2.3.7 + 35$ chia hết cho số nào sau đây

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 7.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17} \right] - 5^{12} : 5^{10}$.

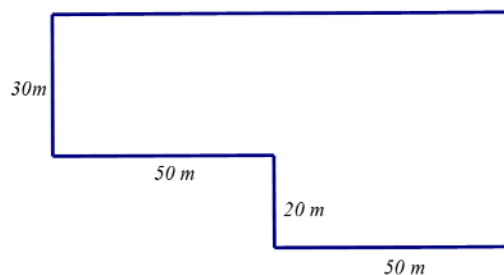
Câu 2. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết: $8x + 15 = 55$.

Câu 3. (1,0 điểm) Nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo một sân chơi vui tươi, lành mạnh, đồng thời giúp cho các em học sinh rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể. Trường THCS X đã tổ chức cuộc thi dân vũ giữa các khối lớp trong trường. Tất cả học sinh khối 6 của trường đều tham gia và khi tập xếp hàng 6, hàng 8 hay hàng 9 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường biết số học sinh khối 6 trong khoảng 200 đến 250 em.

Câu 4. (1,5 điểm) Trong mảnh vườn của mình, Bác Hùng dành một phần đất hình chữ nhật có chiều dài 50 m và chiều rộng 20 m để trồng rau.

a) Tính diện tích phần đất bác Hùng dùng để trồng rau.

b) Phần đất còn lại của mảnh vườn bác Hùng dùng để trồng cây ăn quả (có hình dạng và kích thước như Hình 1). Tính diện tích của phần đất trồng cây ăn quả.



Hình 1

Câu 5. (0,5 điểm) Theo truyền thuyết, nhà thông thái phát minh ra bàn cờ vua đã chọn phần thưởng là số thóc được đặt vào ô vuông trên bàn cờ theo quy tắc sau: Trong ô thứ nhất để vào 1 hạt thóc, ô thứ hai để vào 2 hạt thóc, ô thứ ba để vào 4 hạt thóc, ô thứ tư để vào 8 hạt thóc,... Cứ theo quy luật số hạt thóc ở ô sau gấp đôi số hạt thóc ở ô trước đến ô cuối cùng của bàn cờ vua. Tính tổng số hạt thóc khi đặt đến ô thứ ba mươi hai của bàn cờ.

----- HẾT -----

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

Câu 1: Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000 đồng, Mai ăn sáng hết 10 000 đồng, mua nước hết 5 000 đồng, phần tiền còn lại Mai bỏ vào heo đất để dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, số tiền Mai tiết kiệm được là bao nhiêu?

- A. 75 000 đồng. B. 240 000 đồng. C. 300 000 đồng. D. 45 000 đồng.

Câu 2: Kết quả của phép tính $20 + 15 : 5$ là

- A. 8. B. 6. C. 23. D. 30.

Câu 3: Hình thoi ABCD có hai đường chéo $AC = 8 \text{ cm}$; $BD = 6 \text{ cm}$. Diện tích của hình thoi đó bằng

- A. 48 cm. B. 24 cm. C. 48 cm^2 . D. 24 cm^2 .

Câu 4: Cho tập hợp $M = \{a; 4; b; c\}$. Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào *sai*?

- A. $4 \in M$. B. $b \notin M$. C. $a \in M$. D. $c \in M$.

Câu 5: Trong các số sau số nào là hợp số?

- A. 23. B. 31. C. 39. D. 41.

Câu 6: Có bao nhiêu số nguyên x thỏa mãn $-3 < x \leq 3$?

- A. 7. B. 6. C. 2. D. 5.

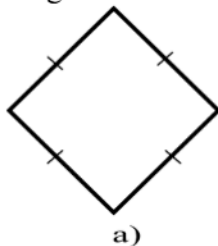
Câu 7: Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 cm. Chu vi hình vuông đó là

- A. 49 cm. B. 28 cm^2 . C. 49 cm^2 . D. 28 cm.

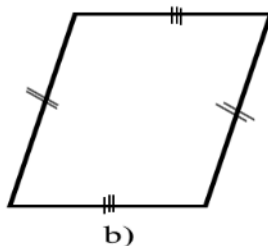
Câu 8: Cho hình bình hành ABCD. Nếu góc D bằng 60° thì góc B bằng bao nhiêu độ?

- A. 90° . B. 60° . C. 120° . D. 30° .

Câu 9: Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



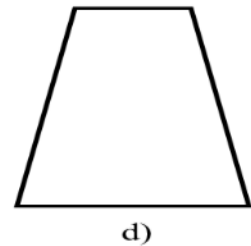
a)



b)



c)



d)

- A. Hình a. B. Hình b. C. Hình c. D. Hình d.

Câu 10: Số nguyên x thỏa mãn $x - 7 = -2$ là

- A. $x = 5$. B. $x = -9$. C. $x = -6$. D. $x = 9$.

Câu 11: Số La Mã XXIII biểu diễn số tự nhiên nào sau đây?

- A. 3. B. 17. C. 32. D. 23.

Câu 12: Biểu thức $2.3.7 + 35$ chia hết cho số nào sau đây

- A. 3. B. 7. C. 2. D. 5.

Câu 13: Kết quả của phép tính: $(-12) + 5$ là

- A. -7. B. -17. C. 7. D. 17.

Câu 14: Nếu x là số tự nhiên thỏa mãn $(x - 1)^2 = 25$ thì x bằng

- A. 6. B. 4. C. 1. D. 17.

Câu 15: Tập hợp các số tự nhiên không vượt quá 5 là

A. $\{1;2;3;4;5\}$.

B. $\{0;1;2;3;4;5\}$.

C. $\{0;1;2;3;4\}$.

D. $\{1;2;3;4\}$.

Câu 16: Số đối của 4 là

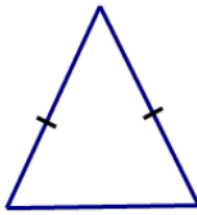
A. 4.

B. 0.

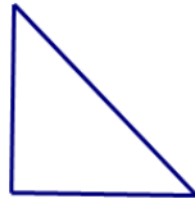
C. -4.

D. 8.

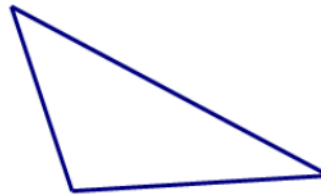
Câu 17: Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều?



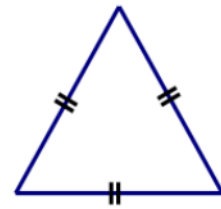
a)



b)



c)



d)

A. Hình a.

B. Hình c.

C. Hình d.

D. Hình b

Câu 18: Số nào sau đây chia hết cho 3?

A. 124.

B. 143.

C. 79

D. 321.

Câu 19: Số tự nhiên x lớn nhất thỏa mãn $56 \vdots x$, $128 \vdots x$ là

A. 4.

B. 15.

C. 8.

D. 6.

Câu 20: Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

A. $7^3=7.7.7.7.$

B. $7^3=7.3.$

C. $7^3=3.3.3.$

D. $7^3=7.7.7.$

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: $\left[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17}\right] - 5^{12} : 5^{10}$.

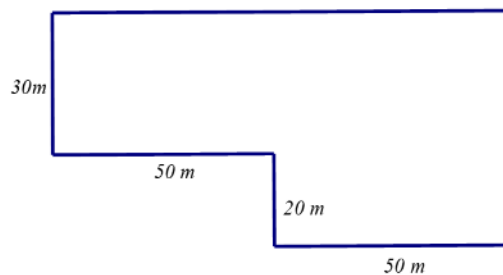
Câu 2. (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x biết: $8x + 15 = 55$.

Câu 3. (1,0 điểm) Nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo một sân chơi vui tươi, lành mạnh, đồng thời giúp cho các em học sinh rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể. Trường THCS X đã tổ chức cuộc thi dân vũ giữa các khối lớp trong trường. Tất cả học sinh khối 6 của trường đều tham gia và khi tập xếp hàng 6, hàng 8 hay hàng 9 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường biết số học sinh khối 6 trong khoảng 200 đến 250 em.

Câu 4. (1,5 điểm) Trong mảnh vườn của mình, Bác Hùng dành một phần đất hình chữ nhật có chiều dài 50m và chiều rộng 20m để trồng rau.

a) Tính diện tích phần đất bác Hùng dùng để trồng rau.

b) Phần đất còn lại của mảnh vườn bác Hùng dùng để trồng cây ăn quả (có hình dạng và kích thước như Hình 1). Tính diện tích của phần đất trồng cây ăn quả.



Hình 1

Câu 5. (0,5 điểm) Theo truyền thuyết, nhà thông thái phát minh ra bàn cờ vua đã chọn phần thưởng là số thóc được đặt vào ô vuông trên bàn cờ theo quy tắc sau: Trong ô thứ nhất để vào 1 hạt thóc, ô thứ hai để vào 2 hạt thóc, ô thứ ba để vào 4 hạt thóc, ô thứ tư để vào 8 hạt thóc,... Cứ theo quy luật số hạt thóc ở ô sau gấp đôi số hạt thóc ở ô trước đến ô cuối cùng của bàn cờ vua. Tính tổng số hạt thóc khi đặt đến ô thứ ba mươi hai của bàn cờ.

----- HẾT -----

A. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

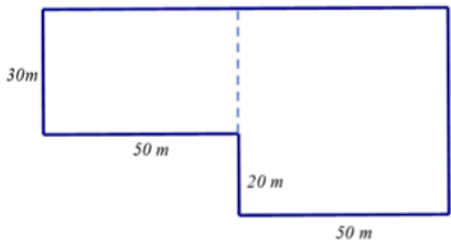
Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
161	B	C	B	C	A	D	C	A	A	D	B	A	A	D	B	D	B	C	D	C
162	C	C	A	D	B	B	A	B	A	D	D	B	C	C	D	B	A	A	C	D
163	C	D	B	A	C	A	B	B	A	D	C	A	C	D	B	A	C	D	B	D
164	A	C	D	B	C	B	D	B	A	A	D	B	A	A	B	C	C	D	C	D

B. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Chú ý : Dưới đây chỉ là sơ lược từng bước giải và cách cho điểm từng phần của mỗi bài. Bài làm của học sinh yêu cầu phải chi tiết, lập luận chặt chẽ. Nếu học sinh giải cách khác đúng thì chấm và cho điểm từng phần tương ứng.

Câu	Sơ lược các bước giải	Điểm
Câu 1		1,0 điểm
1 (1,0 điểm)	$[137 - 12 \cdot (2024 - 2023)^{17}] - 5^{12} : 5^{10}$	
	$= [137 - 12 \cdot 1^{17}] - 5^2$	0,5
	$= [137 - 12] - 25$	
	$= 125 - 25$ $= 100.$	0,5
Câu 2		1,0 điểm
2 (1,0 điểm)	$8x + 15 = 55.$ $8x = 55 - 15$ $8x = 40$	0,5
	$x = 40 : 8$ $x = 5$ Vậy $x = 5.$	0,5
Câu 3		1,5 điểm
3 (1,5 điểm)	Gọi số học sinh khối 6 của trường THCS X là a (học sinh) $(a \in N \text{ và } 200 < a < 250)$	0,25
	Theo đề bài, khi xếp hàng 6, hàng 8, hàng 9 đều vừa đủ nên $a : 6, a : 8 \text{ và } a : 9 \Rightarrow a \in BC(6; 8; 9)$	0,25
	Tìm BCNN $(6; 8; 9) = 72$ Mà $BC(6; 8; 9) = B(72) = \{0; 72; 144; 216; 288; \dots\}$ nên $a \in BC(6; 8; 9) = \{0; 72; 144; 216; 288; \dots\}$	0,25
	Mà $a \in N \text{ và } 200 < a < 250 \Rightarrow a = 216$ Vậy số học sinh của trường THCS X là 216 học sinh.	0,25
Câu 4		1,0 điểm
4	a) Diện tích phần đất trồng rau là $50.20 = 1000 m^2$	1,0

	b) Chia phần trồng cây ăn quả như hình vẽ  Hình 1 Diện tích phần đất trồng cây ăn quả là: $30 \cdot 100 + 20 \cdot 50 = 4000 m^2$	0,5
Câu 5		0,5 điểm
5	Tính được $A = 2^{32} - 1$ Kl	0,25
	Gọi số học sinh khối 6 của trường THCS X là a (học sinh) ($a \in N$ và $200 < a < 250$)	0,25

.....Hết.....